

KẾT LUẬN THANH TRA

Trách nhiệm việc thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2022 - 2024 tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên

Thực hiện Quyết định số 202/QĐ-TTr ngày 11/8/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh về thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2022 - 2024 tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, từ ngày 18/8/2025 đến ngày 03/10/2025, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 13/10/2025 của Trưởng Đoàn thanh tra.

Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (sau đây gọi tắt là Trung tâm TGPLNN tỉnh) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp, có 01 Phòng Tổng hợp và 05 Chi nhánh Trợ giúp pháp lý trực thuộc¹. Trung tâm có 21 viên chức, người lao động, gồm: 01 Giám đốc, 18 viên chức (trong đó có 13 Trợ giúp viên pháp lý), 01 kế toán và 01 lao động hợp đồng.

Trung tâm có tư cách pháp nhân, con dấu, trụ sở và tài khoản riêng; thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật. Trung tâm chịu sự quản lý Nhà nước của UBND tỉnh, Sở Tư pháp và sự hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ của Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý – Bộ Tư pháp.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1.1. Thực hiện pháp luật về tiếp công dân

Trung tâm TGPLNN tỉnh đã ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân²; bố

¹ Chi nhánh TGPL số 01 tại Tuần Giáo; Chi nhánh TGPL số 02 tại Mường Chà (nay là xã Na Sang); Chi nhánh TGPL số 3 tại Mường Ảng; Chi nhánh TGPL số 4 tại Nậm Pồ (nay là xã Nà Hỳ); Chi nhánh TGPL số 5 tại Mường Nhé.

² Quyết định số 08/QĐ-TGPL ngày 12/1/2022 ban hành Nội quy tiếp công dân của Trung tâm TGPLNN tỉnh Điện Biên; Quyết định số 09/QĐ-TGPL ngày 12/01/2022 ban hành Quy chế tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân của Trung tâm TGPLNN tỉnh Điện Biên.

trí địa điểm tiếp công dân³, bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho công tác tiếp công dân; phân công viên chức tiếp công dân thường xuyên theo quy định⁴.

Đã niêm yết, công khai nội quy, quy chế, hướng dẫn về quy trình tiếp công dân, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; nơi tiếp công dân, thời gian tiếp công dân thường xuyên và lịch tiếp công dân định kỳ của Thủ trưởng cơ quan⁵. Trung tâm có mở sổ tiếp công dân để theo dõi việc tiếp công dân.

Trong giai đoạn 2022-2024, Trung tâm TGPLNN tỉnh không phát sinh trường hợp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; các lượt công dân đến làm việc tại đơn vị chủ yếu nhằm liên hệ, thực hiện yêu cầu trợ giúp pháp lý theo quy định.

Trung tâm đã duy trì chế độ tiếp công dân thường xuyên, đột xuất, lập biên bản về việc tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo cơ quan theo quy định.

1.2. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo

- Trung tâm TGPLNN tỉnh đã chủ động tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo đến toàn thể viên chức, người lao động thông qua các cuộc họp cơ quan, trên Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản, hồ sơ công việc (TDOffice); đồng thời thực hiện lồng ghép tuyên truyền pháp luật về khiếu nại, tố cáo đến người dân thông qua các hoạt động tư vấn và trợ giúp pháp lý.

Trung tâm TGPLNN tỉnh đã mở sổ theo dõi giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trong giai đoạn 2022-2024, Trung tâm không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân (đơn thư của công dân gửi đến Trung tâm đều là đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý ở các lĩnh vực hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, hành chính và lĩnh vực pháp luật khác).

Việc thực hiện chế độ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm: Trong giai đoạn 2022-2024, Trung tâm TGPLNN tỉnh có 12 báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo⁶; các báo cáo đã cơ bản thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2021/TT-TTCT ngày 22/3/2021 và Thông tư số 01/2024/TT-TTCT ngày 20/01/2024 của Thanh tra Chính phủ về chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

³ Phòng tiếp công dân của Trung tâm TGPLNN tỉnh: Địa chỉ: Tổ 12 - P. Điện Biên Phủ - T.Điện Biên

⁴ Quyết định số 14/QĐ-TGPL ngày 26/01/2022; Quyết định số 04/QĐ-TGPL ngày 04/01/2023; Quyết định số 126/QĐ-TGPL ngày 08/0/2023; Quyết định số 12/QĐ-TGPL ngày 15/01/2024.

⁵ Thông báo số 11/TB-TGPL ngày 20/1/2022 về lịch tiếp công dân của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước năm 2022; Thông báo số 09/TB-TGPL ngày 06/01/2022 về lịch tiếp công dân của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước năm 2023; Thông báo số 253/TB-TGPL ngày 27/12/2023 về lịch tiếp công dân của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước năm 2024;..

⁶ Năm 2022: Báo cáo số 31/BC-TGPL ngày 14/3/2022, Báo cáo số 64/BC-TGPL ngày 15/6/2022, Báo cáo số 89/BC-TGPL ngày 13/9/2022, Báo cáo số 183/BC-TGPL ngày 15/12/2022; Năm 2023: Báo cáo số 36/BC-TGPL ngày 15/3/2023, Báo cáo số 127/BC-TGPL ngày 14/6/2023, Báo cáo số 250/BC-TGPL ngày 15/9/2023, Báo cáo số 322/BC-TGPL ngày 16/12/2023; Năm 2024: Báo cáo số 33/BC-TGPL ngày 14/3/2024, Báo cáo số 66/BC-TGPL ngày 15/6/2024, Báo cáo số 182/BC-TGPL ngày 15/9/2024, Báo cáo số 249/BC-TGPL ngày 15/12/2024,

** Tồn tại, hạn chế:*

Chưa thực hiện chế độ hỗ trợ đối với viên chức được phân công nhiệm vụ tiếp công dân theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND tỉnh và Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội Đồng nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội Đồng nhân dân tỉnh).

Sổ tiếp công dân chưa ghi chép các ngày tiếp công dân định kỳ của Giám đốc Trung tâm TGPLNN tỉnh theo quy định tại khoản 2, Điều 9, Thông tư số 04/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ về quy định quy trình tiếp công dân.

Kết thúc việc tiếp công dân, Giám đốc Trung tâm TGPLNN tỉnh chưa ban hành thông báo kết luận việc tiếp công dân theo quy định tại khoản 4, Điều 9, Thông tư số 04/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.

Báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo các quý II, III và IV không tổng hợp số liệu riêng cho từng quý, mà gộp chung vào báo cáo định kỳ 6 tháng, 9 tháng và năm, chưa thực hiện đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2021/TT-TTCTP ngày 22/3/2021, Thông tư số 01/2024/TT-TTCTP ngày 20/01/2024 của Thanh tra Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Thanh tra tỉnh.

2. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng

2.1. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng

Căn cứ quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN), thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của Sở Tư pháp. Hằng năm Trung tâm TGPLNN tỉnh đã xây dựng và ban hành kế hoạch công tác PCTN, tiêu cực, Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí⁷ để triển khai trong đơn vị. Các kế hoạch được xây dựng cơ bản bám sát nội dung, yêu cầu chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và quán triệt các chương trình, kế hoạch về phòng, chống tham nhũng được Trung tâm lồng ghép trong các cuộc họp cơ quan, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và nhiệm vụ của đơn vị. Các văn bản, tài liệu liên quan đến phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được viên chức và người lao động theo dõi, cập nhật thông qua nhóm zalo và trên Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TDOffice).

2.3. Việc thực hiện trách nhiệm giải trình theo thẩm quyền

⁷ Kế hoạch PCTN: Kế hoạch số 15 /KH-TGPL ngày 27/01/2022; Kế hoạch số 24 /KH-TGPL ngày 24/02/2023; Kế hoạch số 32 /KH-TGPL ngày 11/3/2024. Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Số 32/KH-TGPL ngày 14/3/2022; Số 17/KH-TGPL ngày 01/02/2023; Số 33/KH-TGPL ngày 13/3/2024

** Kết quả thực hiện:*

Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm TGPLNN tỉnh không nhận được các yêu cầu thực hiện giải trình.

** Tồn tại, hạn chế:*

Trong Quy chế làm việc của Trung tâm TGPLNN tỉnh chưa quy định việc thực hiện trách nhiệm giải trình; chưa phân công cá nhân hoặc bộ phận tiếp nhận yêu cầu giải trình theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/07/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng.

2.4. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

** Kết quả thực hiện:*

Việc công khai, minh bạch ngân sách và quản lý tài sản công: Trung tâm đã ban hành các Quyết định công bố công khai dự toán, tình hình thực hiện dự toán, quyết toán ngân sách cơ bản theo quy định. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện minh bạch, công khai về tiêu chuẩn, định mức ... Các nội dung công khai được triển khai tại các cuộc họp cơ quan, thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Việc thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính: Các thủ tục về trợ giúp pháp lý được Trung tâm TGPLNN niêm yết công khai tại Trụ sở và tại các chi nhánh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đến liên hệ, đề nghị được trợ giúp pháp lý.

Việc thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn: Trung tâm đã quán triệt Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trợ giúp pháp lý; Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Tư pháp; Quy chế làm việc... đến toàn thể viên chức, người lao động thông qua cuộc họp cơ quan và trên Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản, hồ sơ công việc (TDOffice).

Việc thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức: Trong giai đoạn 2022 – 2024, Trung tâm có 06 viên chức được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, 03 viên chức được bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh, 01 viên chức bổ nhiệm viên chức quản lý, 01 viên chức được bổ nhiệm lại viên chức quản lý. Việc bổ nhiệm viên chức đã tuân thủ nguyên tắc công khai, minh bạch; quá trình lấy ý kiến, thảo luận tập thể được tiến hành tại các cuộc họp cơ quan và thông qua văn bản gửi đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan để xem xét, góp ý. Trung tâm không có chức năng tuyển dụng viên chức.

** Tồn tại, hạn chế:*

Chưa công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về

công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Chưa công khai thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3, Điều 3, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

2.5. Xây dựng, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trung tâm TGPLNN tỉnh đã ban hành các Quy chế liên quan, thực hiện chế độ chính sách, tiêu chuẩn, định mức để phục vụ cho việc quản lý, điều hành, thực hiện hoạt động của đơn vị, như: Quy chế làm việc; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công⁸... Nội dung các quy chế đã quy định điều kiện, thủ tục và tiêu chuẩn, định mức chế độ, chính sách và được công bố công khai, thông qua cho toàn thể viên chức và người lao động tại đơn vị để tổ chức thực hiện, đồng thời đã gửi để báo cáo cơ quan liên quan theo quy định.

2.6. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Viên chức, người lao động của Trung tâm thực hiện nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Trung tâm; quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở; quy tắc đạo đức nghề nghiệp trợ giúp pháp lý.... Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm TGPLNN tỉnh không phát sinh đơn thư và không có trường hợp vi phạm liên quan đến quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp trợ giúp pháp lý, việc tặng quà, nhận quà tặng.

2.7. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

Việc chuyển đổi vị trí công tác định kỳ được thực hiện theo quy định của pháp luật và theo Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hàng năm của Sở Tư pháp. Trong thời kỳ thanh tra, đơn vị không có trường hợp phải chuyển đổi bắt buộc theo Kế hoạch của Sở do chưa đến thời hạn. Tuy nhiên, căn cứ yêu cầu thực tiễn và để bảo đảm hiệu quả hoạt động, trong giai đoạn 2022 – 2024, Trung tâm TGPL đã thực hiện bố trí chuyển đổi công tác đối với 08 Trợ giúp viên pháp lý.

2.8. Việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

**** Kết quả thực hiện:***

Thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Kế hoạch kê khai tài sản, thu nhập và Quyết định của Sở Tư pháp phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai hằng năm, Trung tâm TGPLNN tỉnh đã tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập đối với các đối tượng thuộc diện kê khai; công khai bản kê khai bằng hình thức niêm yết trên bảng tin của đơn vị và được lập biên bản niêm yết công khai theo quy định.

Trong thời kỳ thanh tra, số người có nghĩa vụ kê khai và đã thực hiện kê

⁸ Quy chế làm việc: Quyết định số 02/QĐ-TGPL ngày 01/6/2022, Quyết định số 02/QĐ-TGPL ngày 01/3/2023, Quyết định số 02/QĐ-TGPL ngày 01/2/2024; Quy chế chi tiêu nội bộ: Quyết định số 03/QĐ-TGPL ngày 06/01/2022, Quyết định số 03/QĐ-TGPL ngày 03/01/2023, Quyết định số 01/QĐ-TGPL ngày 02/01/2024; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên Quyết định số 02/QĐ-TGPL ngày 08/01/2021; Quyết định số 05/QĐ-TGPL ngày 06/01/2022

khai, công khai: 13 người. Trong đó, kê khai phục vụ công tác cán bộ: 03 người; kê khai hàng năm 08 người; kê khai bổ sung: 02 người.

** Tồn tại, hạn chế:*

Thời điểm công khai bảng kê khai tài sản, thu nhập chưa được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3, Điều 11, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị⁹.

2.9. Việc thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra:

Năm 2022, Trung tâm TGPLNN được Sở Tư pháp thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước (Quyết định số 1496/QĐ-STP ngày 04/9/2022).

Trung tâm TGPL đã tổ chức triển khai thực hiện các kiến nghị sau thanh tra¹⁰. Đồng thời đã có Báo cáo số 21/BC-TGPL ngày 17/2/2023 việc khắc phục những tồn tại, hạn chế sau thanh tra.

2.10. Việc chấp hành quy định về báo cáo định kỳ, đột xuất, chuyên đề theo yêu cầu của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền công tác phòng, chống tham nhũng

** Kết quả thực hiện:*

Trong giai đoạn 2022-2024, Trung tâm TGPLNN có 26 báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; các báo cáo đã cơ bản thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2021/TT-TTCT ngày 22/3/2021, Thông tư số 01/2024/TT-TTCT ngày 20/01/2024 của Thanh tra Chính phủ và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền¹¹.

** Tồn tại, hạn chế:*

Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng (Quý II, III, IV) không tách số liệu riêng theo quý mà gộp chung số liệu vào báo cáo 6 tháng, 9 tháng, năm

⁹ (1) Thực hiện công khai bản kê khai trước thời điểm bàn giao bản kê khai cho cơ quan có thẩm quyền kiểm soát TSTN (Năm 2022: Ngày Trung tâm công khai 02/01/2023, ngày Sở Tư pháp bàn giao Thanh tra tỉnh này 16/01/2023; (2) Năm 2023: Ngày Trung tâm công khai 02/01/2024, ngày Sở Tư pháp bàn giao Thanh tra tỉnh này 26/01/2024; (3) Năm 2024: Ngày Trung tâm công khai 02/01/2025, ngày Sở Tư pháp bàn giao Thanh tra tỉnh này 23/01/2025).

¹⁰ Đã bố trí phòng tiếp công dân riêng, có trang thiết bị, cơ sở vật chất đầy đủ theo quy định. Thực hiện rà soát, sắp xếp lưu trữ hồ sơ, sổ sách khoa học, thuận tiện trong công tác; chứng từ đảm bảo đầy đủ theo quy định;...

¹¹ (1) Năm 2022: Báo cáo số 26/BC-TGPL ngày 02/3/2022; Báo cáo số 59/BC-TGPL ngày 03/6/2022; Báo cáo số 45/BC-TGPL ngày 16/5/2022; Báo cáo số 51/BC-TGPL ngày 25/5/2022; Báo cáo số 69/BC-TGPL ngày 27/6/2022; Báo cáo số 88/BC-TGPL ngày 05/9/2022; Báo cáo số 140/BC-TGPL ngày 03/11/2022; Báo cáo số 100/BC-TGPL ngày 12/10/2022; Báo cáo số 175/BC-TGPL ngày 15/12/2022; Báo cáo số 190/BC-TGPL ngày 31/12/2022; (2) Năm 2023: Báo cáo số 31/BC-TGPL ngày 08/3/2023; Báo cáo số 59/BC-TGPL ngày 18/5/2023; Báo cáo số 65/BC-TGPL ngày 15/6/2023; Báo cáo số 163/BC-TGPL ngày 05/9/2023; Báo cáo số 220/BC-TGPL ngày 27/10/2023; Báo cáo số 229/BC-TGPL ngày 09/11/2023; (3) Năm 2024: Báo cáo số 11/BC-TGPL ngày 16/01/2024; Báo cáo số 49/BC-TGPL ngày 28/3/2024; Báo cáo số 96/BC-TGPL ngày 22/5/2024; Báo cáo số 102/BC-TGPL ngày 27/5/2024; Báo cáo số 178/BC-TGPL ngày 22/7/2024; Báo cáo số 218/BC-TGPL ngày 20/8/2024; Báo cáo số 252/BC-TGPL ngày 18/9/2024; Báo cáo số 277a/BC-TGPL ngày 22/10/2024; Báo cáo số 304/BC-TGPL ngày 18/11/2024; Báo cáo số 326/BC-TGPL ngày 19/12/2024;

chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-TTCT ngày 22/3/2021, Thông tư số 01/2024/TT-TTCT ngày 20/01/2024 và hướng dẫn tại Văn bản số 154/TTr-VP ngày 08/3/2024, Văn bản số 225/TTr-VP ngày 07/5/2021 của Thanh tra tỉnh.

3. Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước

3.1. Tổng hợp số liệu quyết toán các nguồn kinh phí

Hàng năm đơn vị đã được Sở Tư pháp thực hiện xét duyệt Quyết toán ngân sách theo quy định¹².

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CỦA CÁC NĂM 2022, 2023, 2024

Đv tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	31.000.000			31.000.000
1.1	Nguồn tự chủ	31.000.000			31.000.000
1.2	Nguồn không tự chủ				
2	Kinh phí giao đầu năm và bổ sung trong năm	19.494.000.000	5.241.000.000	5.718.000.000	8.535.000.000
2.1	Nguồn tự chủ	8.253.400.000	2.530.000.000	2.541.000.000	3.182.400.000
2.2	Nguồn không tự chủ	11.240.600.000	2.711.000.000	3.177.000.000	5.352.600.000
3	Tổng kinh phí được sử dụng	19.525.000.000	5.241.000.000	5.718.000.000	8.566.000.000
	Nguồn tự chủ	8.253.400.000	2.530.000.000	2.541.000.000	3.213.400.000
	Nguồn không tự chủ	11.240.600.000	2.711.000.000	3.177.000.000	5.352.600.000
4	Kinh phí đã sử dụng để nghị quyết toán	19.473.000.000	5.241.000.000	5.687.000.000	8.545.000.000
	Nguồn tự chủ	8.232.400.000	2.530.000.000	2.510.000.000	3.192.400.000
	Nguồn không tự chủ	11.240.600.000	2.711.000.000	3.177.000.000	5.352.600.000
5	Kinh phí giảm trong năm	21.000.000			21.000.000

¹² Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 11/8/2023, ngày 22/8/2024, ngày 12/8/2025

	<i>Nguồn tự chủ</i>	21.000.000			21.000.000
	<i>Nguồn không tự chủ</i>				
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau	31.000.000		31.000.000	
	<i>Nguồn tự chủ</i>	31.000.000		31.000.000	
	<i>Nguồn không tự chủ</i>				

3.2. Việc ban hành các quy định nội bộ cụ thể hoá các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

*** Kết quả thực hiện:**

Hàng năm, căn cứ chế độ, chính sách do cấp có thẩm quyền ban hành, căn cứ dự toán được phân bổ đơn vị đã lập và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ¹³ làm cơ sở thanh toán đảm bảo tiết kiệm, sử dụng các nguồn kinh phí có hiệu quả. Đồng thời thực hiện việc xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công¹⁴ đảm bảo việc sử dụng tài sản có hiệu quả, tránh lãng phí. Qua thanh tra nhận thấy, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đơn vị xây dựng đã bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi... theo quy định, phù hợp với hoạt động của Trung tâm.

*** Tồn tại, hạn chế:**

Tại Điều 18, Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024 quy định chế độ thanh toán phép hàng năm, đơn vị chưa quy định cụ thể các trường hợp được chi trả tiền bồi dưỡng đối với những ngày chưa nghỉ phép hàng năm theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 2, Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 của Bộ Tài chính quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Tại Điều 19, Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022, 2023, 2024 quy định chế độ đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức đơn vị quy định: "Mức hỗ trợ tùy thuộc vào tình hình kinh phí thực tiễn của Trung tâm do Giám đốc cân đối, quyết định" là chưa phù hợp theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 5, Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

3.3. Việc chấp hành các quy định trong lập, phân bổ dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm

*** Kết quả thực hiện:**

¹³ Quyết định số 03/QĐ-TGPL ngày 06/01/2022; Quyết định số 03/QĐ-TGPL ngày 03/01/2023; Quyết định số 01/QĐ-TGPL ngày 02/01/2024

¹⁴ Quyết định số 03/QĐ-TGPL ngày 02/01/2024

Hàng năm, căn cứ các văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính và Sở Tư pháp, cùng tình hình thực hiện nhiệm vụ năm trước và dự kiến năm kế hoạch, Trung tâm TGPLNN tỉnh đã lập dự toán ngân sách theo đúng quy định, xác định rõ phân chi thực hiện chế độ tự chủ và phân chi không tự chủ; có thuyết minh chi tiết nội dung công việc, gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, thẩm tra và phân bổ theo quy định.

Đơn vị đã thực hiện chế độ kế toán, hạch toán và sử dụng chứng từ theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; sử dụng thống nhất mẫu chứng từ bắt buộc, tự thiết kế mẫu chứng từ nội bộ để phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Công tác kế toán được mở sổ, ghi chép, phản ánh và lưu trữ đầy đủ các nghiệp vụ thu – chi, bảo đảm theo niên độ ngân sách; việc theo dõi nguồn kinh phí được mở sổ riêng cho từng mục lục ngân sách. Việc thực hiện lập báo cáo quyết toán hàng năm của đơn vị cơ bản đảm bảo theo quy định.

** Tồn tại, hạn chế:*

- Chứng từ kế toán các năm 2023 và 2024 chưa được sắp xếp, lưu trữ theo nội dung kinh tế và trình tự thời gian quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Kế toán năm 2015.

- Việc lập dự toán chi thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phân bổ hàng năm chưa bám sát đầy đủ nội dung, mức chi theo quy định tại Điều 51, Điều 57, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Điều 4, Điều 47, Điều 52, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính (thay thế Thông tư số 15/2022/TT-BTC).

3.4. Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng ngân sách

a) Thực hiện các quy định trong chi trả lương, phụ cấp lương

Việc chi tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương đã được đơn vị thực hiện theo các quy định của pháp luật; phụ cấp trợ giúp viên pháp lý được chi trả kịp thời, đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; Thông tư số 05/2022/TT-BTP ngày 05/9/2022 của Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.

b) Chi mua sắm hàng hoá, dịch vụ và các khoản chi thường xuyên khác ngoài lương

** Kết quả thực hiện:*

Qua kiểm tra cho thấy các khoản chi mua sắm hàng hoá, dịch vụ, chi

thường xuyên khác ngoài lương của Trung tâm TGPLNN tình cơ bản đã tuân thủ các quy định của Nhà nước về định mức, tiêu chuẩn.

** Tồn tại, hạn chế:*

- Một số nội dung chi mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị công nghệ thông tin trong các năm 2022–2024 chưa có hồ sơ, thủ tục đầy đủ (thiếu biên bản kiểm tra hiện trạng, phiếu báo hỏng, đề xuất sửa chữa được thủ trưởng phê duyệt), chưa đúng quy định tại Điều 12 Quyết định số 05/QĐ-TGPL ngày 06/01/2022 của đơn vị.

- Việc lập dự toán chi sửa chữa công trình trụ sở cơ quan năm 2022 chưa thể hiện rõ mục tiêu, khối lượng, chi phí, thiếu biên bản kiểm tra hiện trạng, không nêu rõ hạng mục sửa chữa theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

- Chi may sắm, cấp phát trang phục ngành trong hai năm 2022, 2023 thiếu văn bản thẩm định giá và thiếu danh sách cấp phát trang phục đến từng trợ giúp viên, chưa bảo đảm quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2014/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục của trợ giúp viên pháp lý.

- Trong năm 2022, Trung tâm còn để xảy ra một số khoản thanh toán công tác phí không đúng quy định, số tiền là 7.640.600 gồm: Thanh toán trùng thời gian giữa các chuyến công tác; thanh toán công tác phí khi chưa có đầy đủ hồ sơ, thủ tục như kế hoạch, quyết định cử đi công tác hoặc giấy mời; thanh toán tiền vé máy bay không kèm thẻ lên máy bay (chi tiết phụ lục số 02).

- Chi làm thêm giờ vượt định mức 40 giờ/tháng theo Điểm b khoản 2 Điều 107 Bộ luật Lao động 2019 số tiền là: 2.074.878 đồng, trùng thời gian với đi học số tiền là 871.108 đồng.

- Thanh toán sai niên hạn ngân sách: Một số nhiệm vụ chi của năm trước được thanh toán sang năm sau, vi phạm nguyên tắc niên độ ngân sách, là 3.207.118 đồng cụ thể: Chi của năm 2021 thanh toán vào năm 2022: 1.617.526 đồng; Chi của năm 2022 thanh toán vào năm 2023: 1.378.592 đồng; Chi của năm 2023 thanh toán vào năm 2024: 211.000 đồng, (chi tiết phụ lục số 02).

c) Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác

Trong giai đoạn 2022–2024, Trung tâm được giao thực hiện một số nội dung thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng hoạt động trợ giúp pháp lý tại vùng dân tộc.

Tuy nhiên, còn một số sai sót trong quá trình thực hiện: Một số khoản công tác phí trùng thời gian, chưa đảm bảo chứng từ đầy đủ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc chương trình và hoạt động trợ giúp pháp lý số tiền

là 7.297.429 đồng.

III. KẾT LUẬN NỘI DUNG THANH TRA

1. Ưu điểm

Công tác tiếp công dân được Giám đốc Trung tâm TGPLNN tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện cơ bản đúng quy định pháp luật. Trung tâm đã bố trí địa điểm tiếp công dân, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, phân công viên chức tiếp công dân thường xuyên; mở sổ tiếp công dân, niêm yết công khai nội quy, quy chế và lịch tiếp công dân theo quy định.

Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm TGPLNN tỉnh không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo được chú trọng và thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng.

Công tác phòng, chống tham nhũng đã được Trung tâm TGPLNN tỉnh quan tâm tổ chức thực hiện; hàng năm đã ban hành Kế hoạch PCTN, Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được triển khai đồng bộ, kịp thời theo quy định.

Hàng năm, Trung tâm TGPLNN tỉnh đã thực hiện xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ làm cơ sở thanh toán đảm bảo tiết kiệm, sử dụng các nguồn kinh phí có hiệu quả. Đồng thời thực hiện việc xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo có hiệu quả, tránh lãng phí; việc lập dự toán, báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán, chứng từ được lập tương đối đầy đủ, đúng mẫu theo quy định; các khoản chi nằm trong dự toán được phê duyệt, bảo đảm phục vụ nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

2. Tồn tại, hạn chế

- Trong thực hiện các quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Chưa thực hiện chế độ hỗ trợ đối với viên chức được phân công tiếp công dân; Sổ tiếp công dân chưa ghi chép đầy đủ thông tin; chưa ban hành thông báo kết luận việc tiếp công dân; Báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (Quý II, III, IV) chưa đúng theo quy định.

- Trong thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng: Quy chế làm việc chưa quy định việc thực hiện trách nhiệm giải trình, chưa phân công cá nhân hoặc bộ phận tiếp nhận yêu cầu giải trình; chưa công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước; thời điểm công khai Bảng kê khai tài sản, thu nhập chưa đảm bảo; Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng (Quý II, III, IV) chưa đúng theo quy định.

- Trong thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng ngân sách: Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ còn nội dung chưa phù hợp quy định; Chứng từ kế toán năm 2023, 2024 chưa được sắp xếp theo nội dung kinh tế, trình tự thời gian; Việc lập dự toán chi thực hiện tiểu dự án 1, dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phân bổ hàng năm chưa bám sát đầy đủ nội dung, mức chi theo

quy định; Một số nội dung mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ thông tin chưa bảo đảm trình tự, thủ tục; việc mua sắm trang phục cho Trợ giúp viên pháp lý năm 2022, 2023 thiếu thẩm định đơn giá, chưa lập sổ quản lý, theo dõi cấp phát; Một số khoản thanh toán chưa đảm bảo quy định như: Chưa đúng niên hạn ngân sách, thanh toán công tác phí trùng ngày, thanh toán tiền làm thêm giờ vượt định mức.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

Việc nghiên cứu cập nhật các quy định của pháp luật trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; công tác quản lý, sử dụng ngân sách của người đứng đầu, viên chức được giao nhiệm vụ chưa đầy đủ, chưa bám sát văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của người đứng đầu đối với một số nội dung chưa được thực hiện thường xuyên, chưa kịp thời phát hiện và chấn chỉnh sai sót, bất cập trong quá trình thực hiện.

Kế toán chưa thực hiện đầy đủ, chặt chẽ các quy định chuyên môn nghiệp vụ và kiểm tra thủ tục chứng từ trước khi thanh toán theo quy định; một số viên chức chưa chủ động rà soát hồ sơ, chứng từ trước khi đề nghị thanh toán, dẫn đến trùng lặp, sai sót trong chi trả công tác phí, làm thêm giờ.

4. Trách nhiệm

- Chịu trách nhiệm chung về những tồn tại, hạn chế trong chỉ đạo và thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; công tác quản lý, điều hành, sử dụng kinh phí, ngân sách thuộc trách nhiệm của người đứng đầu Trung tâm TGPLNN tỉnh qua các thời kỳ:

+ Ông Đỗ Xuân Toán, Phó Giám đốc Sở - Phụ trách Trung tâm TGPLNN tỉnh (từ 01/01/2022 đến 02/8/2023).

+ Bà Lê Thị Diệu, Giám đốc Trung tâm TGPLNN tỉnh (Từ 03/08/2023 đến 31/12/2024).

- Chịu trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế của Phòng Hành chính – Quảng trị (nay là phòng Tổng hợp) trong tổ chức thực hiện tham mưu công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng: Bà Lê Thị Diệu - Giám đốc; Bà Trần Thị Sáu - Phó Giám đốc; bà Nguyễn Thị Thu Huyền – Phó Giám đốc.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp về những tồn tại, hạn chế trong tham mưu công tác quản lý, sử dụng ngân sách thuộc trách nhiệm liên quan của cá nhân bà Hồ Mai Hương - Kế toán Trung tâm TGPLNN tỉnh.

(có phụ lục số 01 đính kèm)

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Trong quá trình thanh tra, Trung tâm TGPLNN tỉnh Điện Biên đã nghiêm túc thực hiện yêu cầu của Đoàn thanh tra thu, nộp số tiền 21.091.000 đồng chi sai quy

định vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Về kinh tế:

Thu hồi số tiền phát hiện qua thanh tra: 21.091.000 đồng, nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh Điện Biên số TK 3949.0.1031985.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên (trong quá trình thanh tra đơn vị đã nộp đủ số tiền trên vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh).

(có phụ lục số 02 đính kèm)

2. Về trách nhiệm

Căn cứ các quy định, trách nhiệm và mức độ tồn tại, hạn chế qua thanh tra, Giám đốc Trung tâm TGPLNN tỉnh tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế nêu trên để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục.

3. Về công tác quản lý

3.1. Đối với Sở Tư pháp

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo và thực hiện phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đối với các đơn vị trực thuộc.

- Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, phê duyệt dự toán, xét duyệt quyết toán các nguồn kinh phí đối với các đơn vị dự toán trực thuộc đảm bảo theo quy định.

3.2. Đối với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh

- Thực hiện đầy đủ chế độ bồi dưỡng đối với (cán bộ) viên chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND tỉnh và Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội Đồng nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội Đồng nhân dân tỉnh).

- Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ về nội dung, hình thức công khai trong hoạt động tài chính ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ.

- Phân công cá nhân hoặc bộ phận tiếp nhận yêu cầu giải trình theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/07/2019 của Chính phủ.

- Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện đầy đủ quy định pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách. Thực hiện đầy đủ nội dung, phương pháp lập chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng theo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-TTCP ngày 20/01/2024 và hướng dẫn số 154/TTr-VP ngày 08/3/2024.

Trên đây là Kết luận thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2022 - 2024 tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên.

Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thực hiện công khai kết luận thanh tra theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 37, Luật Thanh tra năm 2025. Kết quả thực hiện kết luận thanh tra được tổng hợp, báo cáo bằng văn bản gửi về Thanh tra tỉnh Điện Biên trước ngày 20/11/2025/.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh (HSCV);
- Trung tâm TGPLNN tỉnh;
- Phòng: TTr CNNC;
- TTrGSTĐTDĐĐ&XLSTTr;
- Công thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, HSTTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Đỗ Văn Dưỡng



PHỤ LỤC 01

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

(Kèm theo ~~Kết luận~~ số 1246/KL-TTr ngày 21/10/2025 về thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2022 - 2024 tại Trung tâm TGPLNN tỉnh Điện Biên)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm	Ghi chú
			Hành chính	
I	CÁ NHÂN			
1	Ông Đỗ Xuân Toán (Phó Giám đốc Sở Tư pháp)	Trách nhiệm người đứng đầu trong công tác quản lý Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, PCTN; quản lý, sử dụng ngân sách (từ 01/01/2022 đến 02/8/2023);	x	
2	Bà Lê Thị Diệu (Giám đốc)	Trách nhiệm người đứng đầu trong công tác quản lý Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, PCTN; quản lý, sử dụng ngân sách (từ 03/08/2023 đến 31/12/2024); trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế của phòng Hành chính – Quảng trị (nay là phòng Tổng hợp) trong tham mưu công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng (từ 01/01/2022 đến 29/2/2023).	x	
3	Trần Thị Sáu (Phó Giám đốc)	Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế của phòng Tổng hợp trong tham mưu công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng (Từ 01/3/2023 đến 19/3/2024).	x	
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền (Phó Giám đốc)	Trách nhiệm về tồn tại, hạn chế của phòng Tổng hợp trong tham mưu công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng từ 20/3/2024 đến 31/12/2024.	x	
7	Bà Hồ Mai Hương (Kế toán)	Chịu trách nhiệm trực tiếp đối với các tồn tại, hạn chế trong quá trình tham mưu, tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng ngân sách từ 2022 đến 2024.	x	

PHỤ LỤC 02

TỔNG HỢP VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KINH TẾ

(Kèm theo Kết luận số 24/KL-TTr ngày 21/10/2025 về thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2022 - 2024 tại Trung tâm TGPLNN tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Đồng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Cơ quan/đơn vị/cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác		
					Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)						
							Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)			Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên	Chi thường xuyên (sai niên hạn ngân sách, sai công tác phí, làm thêm giờ)	13.793.704		13.793.704								
		Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	7.297.429		7.297.429								
Tổng cộng			21.091.133		21.091.133								
Làm tròn			21.091.000		21.091.000								